ĐỀ KIỂM TRA TOÁN LỚP 6

Kiểm tra Học kỳ 1 (mức chuẩn – đề 1)

15 câu · Thời gian gợi ý: 30 phút

Họ và tên: .....

Lớp: ..... **Ngày:** ...../...../.....

Điểm

Câu 1. Viết tập hợp M các tháng (dương lịch) có 30 ngày

M = ?

A. {4; 6; 9; 11}

B. {1; 3; 5; 7; 8; 10; 12}

C. {2; 4; 6; 9; 11}

D. {4; 6; 8; 9; 11}

Câu 2. Tính

8 610 : 42 = ?

Đáp số: .....

Câu 3. Tính

32 + (−2) = ?

Đáp số: .....

Câu 4. Khẳng định sau đúng hay sai?

$-26 \notin \mathbb{Z}$

Ghi Đ hoặc S: ☐

Câu 5. Quan sát hình vẽ

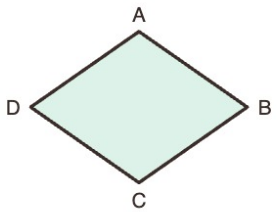

Hình vẽ trên là hình gì?

A. Hình thang cân

B. Hình vuông

C. Hình chữ nhật

D. Hình thoi

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

© Mầm Học · mamhoc.com – Tài liệu học tập dành cho gia đình, không sao chép để kinh doanh

Câu 6. Rút gọn về phân số tối giản

60/160 = ?

A. $\frac{3}{160}$ B. $\frac{4}{9}$ C. $\frac{3}{8}$ D. $\frac{6}{16}$

Câu 7. Tính

(−6) × (−8) × 9 = ?

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 8. Tính chu vi

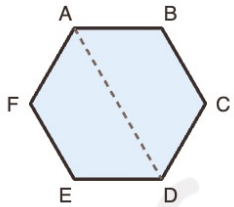

Lục giác đều ABCDEF có đường chéo chính AD = 8 cm. Tính chu vi lục giác đều (cm).

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 9. Điền chữ số vào dấu * để số 945* chia hết cho 2

Số 945* ⋮ 2. Tìm *

A. * ∈ {0; 5}

B. * ∈ {0; 2; 4; 6; 8}

C. * ∈ {1; 3; 5; 7; 9}

D. * ∈ {2; 4; 6; 8}

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 10. Giải bài toán

Hai thùng có tất cả 1 233 lít dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 63 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lít dầu?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

Câu 11. Quan sát hình vẽ

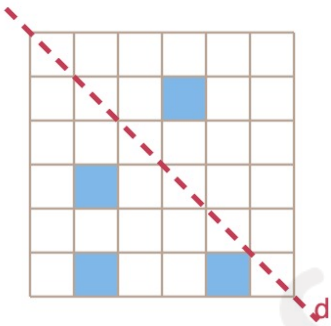

Cần tô màu thêm ít nhất bao nhiêu ô vuông để hình gồm các ô được tô nhận d là trục đối xứng của nó?

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 12. Tính diện tích

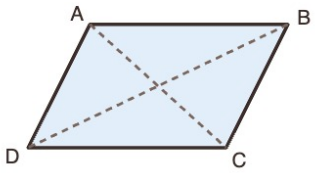

Hình bình hành ABCD có tâm đối xứng O và diện tích 84 cm². Tính tổng diện tích ba tam giác OAB, OBC, OCD (cm²).

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 13. Giải bài toán

Một tấm bìa hình chữ nhật có chu vi 84 cm. Cắt bỏ một hình vuông có cạnh bằng chiều rộng tấm bìa thì phần còn lại là một hình chữ nhật có chu vi 50 cm. Tính diện tích tấm bìa ban đầu (cm²).

Bài giải:

Đáp số: .....

Câu 14. Tìm mẫu số chung nhỏ nhất

Mẫu số chung nhỏ nhất của 2/3; 1/10; 5/14 là bao nhiêu?

Bài giải:

Đáp số: .....

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 15. Tìm số

Tìm số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau mà tổng các chữ số bằng 8.

Bài giải:

.....

.....

.....

Đáp số: .....

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

ĐÁP ÁN

Mã đề T6-HK1-15-C-3459 · Kiểm tra Học kỳ 1 (mức chuẩn – đề 1)

Câu 1: **A. {4; 6; 9; 11}** · Liệt kê phần tử

Tháng 4, 6, 9, 11 có 30 ngày (tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày).

Câu 2: **205** · Nhân, chia số tự nhiên

8 610 : 42 = 205 vì 205 × 42 = 8 610.

Câu 3: **30** · Cộng, trừ số nguyên

Hai số khác dấu: lấy phần số lớn trừ phần số nhỏ, dấu theo số có phần số lớn hơn: 32 + (−2) = 30.

Câu 4: **S** · Số nguyên, số đối

−26 là số nguyên âm nên $-26 \in \mathbb{Z}$. Vậy khẳng định sai.

Câu 5: **D. Hình thoi** · Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân

Đây là hình thoi: có 4 cạnh bằng nhau, các cạnh đối song song, hai đường chéo vuông góc (nhưng không nhất thiết bằng nhau).

Câu 6: **C.** $\frac{3}{8}$ · Ước chung

ƯCLN(60, 160) = 20. Chia cả tử và mẫu cho 20: 60/160 = 3/8.

Câu 7: **432** · Nhân số nguyên

Có 2 thừa số âm (chẵn) nên tích dương; phần số: 6 × 8 × 9 = 432. Kết quả 432.

Câu 8: **24** · Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều

Đường chéo chính dài gấp đôi cạnh nên cạnh AB = 8 : 2 = 4 (cm). Chu vi lục giác đều: 6 × 4 = 24 (cm).

Câu 9: **B.** $* \in \{0; 2; 4; 6; 8\}$ · Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9

Số chia hết cho 2 khi chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8.

Câu 10: **585** · Cộng, trừ số tự nhiên

Số bé = (tổng − hiệu) : 2 = (1 233 − 63) : 2 = 585. Số lớn = 585 + 63 = 648.

Câu 11: **2** · Hình có trục đối xứng

Mỗi ô được tô thì các ô đối xứng với nó (qua d) cũng phải được tô. Lấy đối xứng từng ô đã tô, hình hoàn chỉnh có 6 ô. Đã tô 4 ô. Cần tô thêm 6 − 4 = 2 ô.

Câu 12: **63** · Hình có tâm đối xứng

Đường chéo AC chia hình bình hành thành hai tam giác bằng nhau nên tam giác ABC có diện tích 84 : 2 = 42 (cm²). O là trung điểm của AC nên hai tam giác OAB và OBC có đáy OA = OC và chung chiều cao kẻ từ B, do đó có diện tích bằng nhau. Diện tích tam giác OAB: 42 : 2 = 21 (cm²). Tương tự, bốn tam giác OAB, OBC, OCD, ODA có diện tích bằng nhau. Tổng ba tam giác: 3 × 21 = 63 (cm²).

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 13: **425** · Chu vi và diện tích

Phần còn lại có hai cạnh là chiều rộng và (chiều dài – chiều rộng), nên nửa chu vi của nó bằng chiều dài tấm bìa: 50 : 2 = 25 (cm). Nửa chu vi tấm bìa: 84 : 2 = 42 (cm), nên chiều rộng: 42 – 25 = 17 (cm). Diện tích: 25 × 17 = 425 (cm²).

Câu 14: **210** · Tìm BCNN

BCNN(3, 10, 14): 3 = 3, 10 = 2 × 5, 14 = 2 × 7 → 2 × 3 × 5 × 7 = 210.

Câu 15: **5210** · So sánh và thứ tự số

Muốn số lớn nhất, chọn chữ số hàng nghìn lớn nhất có thể, rồi đến hàng trăm, hàng chục (các chữ số khác nhau, tổng 8): 5 210.

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký